

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024
phê duyệt danh mục công trình thủy lợi phân cấp quản lý
trên địa bàn thành phố Hà Nội

Phụ lục IV

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI: CỐNG, CẦU QUA KÊNH
Phân cấp quản lý theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2022
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

II. DANH MỤC PHÂN CẤP CỐNG, CẦU QUA KÊNH
2. Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy quản lý

(Tiếp theo Công báo số 88+89)

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
95	CS - K1+794	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới TB Chợ Sề	Phải	1+794	1,00	1,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
96	Cầu CS - K1+822	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới TB Chợ Sề		1+822	1,00	1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
97	Cầu CS - K1+828	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới TB Chợ Sề		1+828	0,90	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
98	Cầu CS - K1+844	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới TB Chợ Sề	Phải	1+844	0,90	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
99	CS - K1+860	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới TB Chợ Sề	Phải	1+860			0,70	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
100	CS - K1+879	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới TB Chợ Sề		1+879	0,80	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
101	ĐSN2 - K0+030	Chương Mỹ	Đồng Lạc	Kênh	tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn		0+030	0,50	0,55	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
102	Tiêu tự chảy Hạ Dục	Chương Mỹ	Đồng Phú	Sóng	Bùi			2,50	3,20	2	V10	Điện					Cổng	Vừa	Tiêu			
103	TP - K1+265 Ao Cá	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	1+265	1,50	1,40	1							Cổng	Vừa	Tiêu			
104	ĐL- K0+218	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	0+218			2	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu			
105	X HD 1 - K0	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	0+000	3,50	3,60	1							Cổng	Vừa	Tiêu			
106	Lấy nước Tb Hạ Dục	Chương Mỹ	Đồng Phú	Sóng	Bùi	Trái		1,20	1,20	1	V5	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới			
107	HDN1 - K0+012	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		0+012	0,90	1,40	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới			
108	Đt HDN1 - K0+013	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	0+013	1,20	1,20	1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới			
109	HDN2 - K0	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tưới TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Trái	0+000	0,80	1,20	1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
110	HĐN2 - K0+135	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Phải	0+135	0,80	0,70		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
111	HĐN2 - K0+180	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Trái	0+180			0,40	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
112	HĐN2 - K0+555	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Phải	0+555			0,50	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
113	HĐN2 - K0+655	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Trái	0+655			0,50	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
114	HĐN2 - K0+665	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		0+665	1,00	1,10		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
115	HĐN2 - K0+670	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		0+670			0,50	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
116	HĐN2 - K0+670	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Phải	0+670	0,80	0,80		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
117	HĐN2 - K0+800	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Trái	0+800			0,20	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
118	HĐN2 - K0+910	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Phải	0+910			0,30	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
119	HĐN2 - K1	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		1+000	0,80	0,80		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
120	HĐN2 - K1+065	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Trái	1+065	0,70	0,70		1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
121	HĐN2 - K1+165	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		1+165	0,60	1,20		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
122	HĐN2 - K1+215	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Phải	1+215			0,50	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
123	HĐN2 - K1+270	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục	Trái	1+270	0,80	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
124	HĐN2 - K1+350	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		1+350	0,40	1,20		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
125	HĐN2 - K1+400	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		1+400	0,80	0,80		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
126	HĐN2 - K1+435	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Hạ Dục đi Đồng Phú, N2- Hạ Dục		1+435	0,80	0,90		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
127	CQ - K0	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Thượng Phúc (Cờ Quạt)	Trái	0+000			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
128	CQ - K0+195	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Thượng Phúc (Cờ Quạt)		0+195			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
129	CQ - K0+264	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Thượng Phúc (Cờ Quạt)	Phải	0+264			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
130	CQ - K0+274	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Thượng Phúc (Cờ Quạt)	Trái	0+274			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
131	CQ - K0+380	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tuổi TB Thượng Phúc (Cờ Quạt)	Phải	0+380			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Tiết diện (m) Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	B	H	Tiết diện (m) Ø				Số cửa	Máy đm	Vận hành
132	Thượng Phúc - K0+068	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	0+068			1,00	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
133	TP - K0+680 - Nguồn	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc		0+680	1,10	1,40		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
134	TP - K0+726 Đồng Gạo	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	0+726	0,80	1,50		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
135	TP - K0+728	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc		0+728	0,80	1,50		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
136	TP - K0+849	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	0+849			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
137	TP - K0+976	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	0+976			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
138	TP - K1+70	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	1+70	0,80	0,90		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
139	TP - K1+139	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	1+139	0,70	0,85		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
140	TP - K1+194	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	1+194			0,80	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
141	TP - K1+2044	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	1+2044	1,20	1,00		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
142	TP - K1+420	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	1+420	0,70	1,20		2	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
143	TP - K1+424 Dít Đỏ	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc		1+424	1,40	1,30		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
144	TP - K1+432	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	1+432	1,00	1,10		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
145	TP - K1+462	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	1+462			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
146	TP - K1+627	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Phải	1+627			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
147	TP - K1+636	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	1+636	1,00	1,00		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
148	TP - K1+660	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thượng Phúc	Trái	1+660	0,50	1,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
149	TP - K1+780	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Phải	1+780		0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
150	TP - K1+855	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Trái	1+855	1,00	1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
151	TP - K1+859	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Phải	1+859	1,00	1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
152	TP - K2+005	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Trái	2+005		0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
153	TP - K2+010	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc		2+010		0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
154	TP - K2+015 Ngầm	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Phải	2+015		0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
155	TP - K2+034	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Trái	2+034		0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
156	TP - K2+034	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Trái	2+034		0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
157	TP - K2+138	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Phải	2+138		0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
158	TP - K2+142	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Thương Phúc	Phải	2+142	1,00	1,10	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
159	PCT1 - K0+670	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính		0+670		0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
160	PCT1 - K0+786	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính		0+786		0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
161	PCT1 - K0+896	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính		0+896		0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
162	PCT1 - K0+899	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính		0+899		0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
163	PCT1 - K1+041	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính		1+041			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
164	PCT1 - K1+045	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính	Trái	1+045	0,70	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
165	PCT1 - K1+053	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính	Phải	1+053			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
166	PCT1 - K1+171	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính	Phải	1+171	0,60	0,70		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
167	PCT1 - K1+174	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính	Phải	1+174	0,60	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
168	ĐL - K0	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò		0+000	1,20	1,20		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
169	ĐL - K0+003	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò		0+003			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
170	ĐL- K0+219	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Trái	0+219	0,90	1,20		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
171	ĐL- K0+356	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Phải	0+356			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
172	ĐL- K0+406	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Phải	0+406	0,40	0,50		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
173	ĐL- K0+484	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Trái	0+484			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
174	ĐL - K0+584 Đồng Bàu	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Phải	0+584	0,90	1,20		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
175	ĐL - K0+599	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Phải	0+599			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
176	ĐL - K0+734	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Trái	0+734	1,20	1,20		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
177	ĐL - K1 +044	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Phải	1+044			0,70	2						Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ				
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành	
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
178	ĐL - K1+045	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò		1+045			0,80	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
179	ĐL - K1+045	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Tiêu Đồng Lò	Phải	1+045			0,80	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
180	X HD 2 - K0+206	Chương Mỹ	Đồng Phú	Kênh	Bùi	Trái	0+206	0,50	0,50		1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
181	AS - K2+033	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu An Sơn		2+033	2,00	1,80		1										Cổng	Vừa	Tiêu
182	AST2 - K0+685	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	tiêu K8(T2-An Sơn)		0+685	1,60	1,50		1										Cổng	Vừa	Tiêu
183	AST2 - K1+145	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	tiêu K8(T2-An Sơn)		1+145	1,60	1,20		1										Cổng	Vừa	Tiêu
184	AS - K1+650	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu An Sơn		1+650	1,00	1,30		1	V1	TC								Cổng	Nhỏ	Tiêu
185	AS - K1+790	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu An Sơn	Phải	1+790	1,00	1,30		1	V1	TC								Cổng	Nhỏ	Tiêu
186	AS - K1+823	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu An Sơn	Trái	1+823	1,00	1,20		1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
187	AST1 - K0+270	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		0+270			1,00	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
188	AST1 - K0+275	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		0+275			0,40	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
189	AST1 - K0+475	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		0+475			0,40	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
190	AST1 - K0+583	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		0+583			0,40	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
191	AST1 - K0+700	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		0+700			1,00	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
192	AST1 - K0+900	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		0+900			1,00	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
193	AST1 - K1+400	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T1-An Sơn)		1+400	0,60	0,80		1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
194	AST2 - K0+600	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)		0+600			0,80	1										Cổng	Nhỏ	Tiêu
195	AST2 - K0+690	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)		0+690	0,80	0,90		1										Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa đm	Vận hành	
							Km	B	H	Ø	B				H	Ø						
196	AST2 - K0+710	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)		0+710			0,60	1	V2	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu			
197	AST2 - K0+760	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)		0+760			0,30	1							Cổng Nhỏ	Tiêu			
198	AST2 - K0+865	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)		0+865			1,00	1							Cổng Nhỏ	Tiêu			
199	AST2 - K0+978	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)		0+978		1,10	1,00	1							Cổng Nhỏ	Tiêu			
200	AST2 - K0+978	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)	Trái	0+978			0,80	1							Cổng Nhỏ	Tiêu			
201	AST2 - K1+50	Chương Mỹ	Đồng Phương Yên	Kênh	Tiêu T8(T2-An Sơn)	Phải	1+050			1,00	1							Cổng Nhỏ	Tiêu			
202	ĐS - K0+080	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Kênh	Tưới TB Đồng Sơn đi Cầu Hộp	Phải	0+080	0,90	1,25		2	V2	TC					Cổng Vừa	Tưới			
203	ĐSN2 - K0+222	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Kênh	Tưới Đồng Chằm	Phải	0+222	1,50	1,50		1							Cổng Vừa	Tưới			
204	Xá Tiêu An Sơn	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Sông	Tích			2,20	2,40		3	V5	TC					Cổng Vừa	Tiêu			
205	Xá tiêu Tb Đồng Sơn	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Sông	Tích	Phải		0,85	1,20		2							Cổng Vừa	Tiêu			
206	Lấy nước Tb Đồng Sơn	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Sông	Tích	Trái				1,00	1	V5	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
207	ĐS - K0+070	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Kênh	Tưới TB Đồng Sơn đi Cầu Hộp	Trái	0+070	1,00	1,40		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
208	ĐS - K0+144	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Kênh	Tưới TB Đồng Sơn đi Cầu Hộp	Phải	0+144			0,30	1							Cổng Nhỏ	Tưới			
209	ĐS - K0+519	Chương Mỹ	Đồng Sơn	Kênh	Tưới TB Đồng Sơn đi Cầu Hộp		0+519	0,50	0,50		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1								Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)				Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø	B				H	Ø							
210	ĐS - K0+829	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Trái	0+829	0,80	1,00		1									Cổng	Nhỏ	Tuổi	
211	ĐS - K0+994	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Phải	0+994				0,20	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
212	ĐS - K1+189	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Phải	1+189	0,70	0,70		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tuổi	
213	ĐS - K1+309	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Trái	1+309				0,20	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
214	ĐS - K1+603	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Trái	1+603	0,38	0,40		1	V0	TC							Cổng	Nhỏ	Tuổi	
215	ĐS - K1+917	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Trái	1+917	1,00	1,20		1	V2	TC							Cổng	Nhỏ	Tuổi	
216	ĐS - K1+917	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Đông Sơn đi Cầu Hộp	Phải	1+917	1,00	1,20		1	V2	TC							Cổng	Nhỏ	Tuổi	
217	ĐSN2 - K0+028	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Trái	0+028				1,00	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tuổi	
218	ĐSN2 - K0+228	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Trái	0+228				0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
219	ĐSN2 - K0+338	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Phải	0+338				0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
220	ĐSN2 - K0+458	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Trái	0+458				0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
221	ĐSN2 - K0+569	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Phải	0+569				0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
222	ĐSN2 - K0+569	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Phải	0+569				0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
223	ĐSN2 - K0+754	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi Đồng Chằm	Trái	0+754				0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
242	ASN2 - K0+390	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Phải	0+390	0,70	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
243	ASN2 - K0+412	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Trái	0+412		0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
244	ASN2 - K0+684	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Phải	0+684		0,20		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
245	ASN2 - K0+694	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Trái	0+694		0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
246	ASN2 - K0+700	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn		0+700		0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
247	ASN2 - K0+730	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Phải	0+730		0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
248	ASN2 - K0+830	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Trái	0+830		0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
249	ASN2 - K0+892	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn	Trái	0+892		0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
250	ASN2 - K1+005	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi An Sơn đi Lương Sơn, N2-An Sơn		1+005		0,40		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
251	QT - K0+076	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Quyết Thượng		0+076	0,50	0,50		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			
252	QT - K0+132	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuổi TB Quyết Thượng		0+132	0,50	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tươi			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
253	QT - K0+203	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuối TB Thường	Quyết		0+203			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
254	QT - K0+259	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuối TB Thường	Quyết	Phải	0+259			0,20	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
255	QT - K0+265	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuối TB Thường	Quyết		0+265			0,20	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
256	QT - K0+280	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuối TB Thường	Quyết		0+280			0,20	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
257	QT - K0+370	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuối TB Thường	Quyết	Phải	0+370			0,20	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
258	QT - K0+410	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tuối TB Thường	Quyết	Trái	0+410			0,30	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
259	ĐSN2-2 - K0+124	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Đồng Chăm đi Ngã ba Gò Đình, N2-2-Đông Sơn	Trái		0+124	0,65	1,00		1						Cổng Nhỏ	Tuối			
260	ĐSN2-2 - K0+320	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Đồng Chăm đi Ngã ba Gò Đình, N2-2-Đông Sơn			0+320			1,00	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
261	ĐSN2-2 - K0+332	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Đồng Chăm đi Ngã ba Gò Đình, N2-2-Đông Sơn	Trái		0+332			0,70	1						Cổng Nhỏ	Tuối			
262	Bò Đái	Chương Mỹ	Đông Sơn	Sông	Tịch	Trái					0,80	1	V2	TC				Cổng Nhỏ	Tiêu			
263	AS - K0+068	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Trái		0+068			0,30	1						Cổng Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
264	AS - K0+270	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Trái	0+270				0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
265	AS - K0+380	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Trái	0+380				0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
266	AS - K0+380	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Trái	0+380				0,60	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu		
267	AS - K0+700	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Phải	0+700				0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
268	AS - K0+780	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Phải	0+780	1,20	1,20			1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
269	AS - K0+965	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn		0+965				0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
270	AS - K1+311	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn	Phải	1+311	1,40	0,60			1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu		
271	AS - K1+311	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	Tiêu An Sơn		1+311	1,40	0,60			1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu		
272	Đt ĐS - K0+131	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+131				0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu		
273	ĐS - K0+325	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Phải	0+325				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
274	ĐS - K0+330	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Phải	0+330				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
275	ĐS - K0+454	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Phải	0+454				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
276	ĐS - K0+454	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+454				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
277	ĐS - K0+461	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Phải	0+461				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
278	ĐS - K0+547	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Phải	0+547				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
279	ĐS - K0+625	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Trái	0+625				0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
280	ĐS - K0+691	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+691				0,10	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		
281	ĐS - K0+754	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+754				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
282	ĐS - K0+754	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+754			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
283	ĐS - K0+761	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+761			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
284	ĐS - K0+815	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+815			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
285	ĐS - K0+895	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+895			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
286	ĐS - K0+950	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		0+950			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
287	ĐS - K1+097	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+097			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
288	ĐS - K1+145	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+145	0,50	0,50		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
289	ĐS - K1+195	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+195	0,50	0,50		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
290	ĐS - K1+260	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+260			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
291	ĐS - K1+337	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+337			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
292	ĐS - K1+345	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+345			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
293	ĐS - K1+413	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+413			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
294	ĐS - K1+463	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+463			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
295	ĐS - K1+516	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+516			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
296	ĐS - K1+620	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+620			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
297	ĐS - K1+702	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+702			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
298	ĐS - K1+703	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm	Trái	1+703			0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
299	ĐS - K1+787	Chương Mỹ	Đông Sơn	Kênh	tiêu Đồng Chằm		1+787			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1										Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)				Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành				
						Bờ	Km	B	H	Ø	B				H	Ø							
300	Xã tiêu Phụ Chính	Chương Mỹ	Hòa Chính	Sông	Đáy			2,00	2,00		2	V5	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
301	Đt Phụ Chính	Chương Mỹ	Hòa Chính	Sông	Đáy	Trái		2,10	2,00		1	V5	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
302	PC - K0+380	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		0+380	1,60	1,20		1	V2	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
303	PC - K1+057	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		1+057	2,10	2,20		4	V2	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
304	PC- K1+271	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		1+271	1,00	1,20	1,00	2	V1	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
305	PC - K2+460	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		2+460	1,60	1,10		2	V1	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
306	PC - K2+465 (Bà Hàng)	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		2+465	0,80	1,20		2								Cổng	Vừa	Tiêu		
307	PCT3 - K0	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải	0	1,60	1,10		2	V1	TC						Cổng	Vừa	Tiêu		
308	PC - K0+282	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Trái	0+282			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
308	PC - K0+380	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Trái	0+380	1,20	1,50		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
310	PC - K0+480	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải	0+480			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
311	PC - K0+530	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải	0+530			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
312	PC - K0+570	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải	0+570	0,40	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
313	PC - K0+791	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Trái	0+791	0,50	0,50		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
314	PC - K0+841	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Trái	0+841			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
315	PC - K1+027	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải	1+027	0,60	0,70		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
316	PC - K1+069	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		1+069			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
317	PC - K1+167	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính		1+167	0,60	0,70		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm				Vận hành
336	PC - K2+250	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính			2+250	0,70	0,50		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu
337	PC - K2+854	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải		2+854	0,50	0,50		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
338	PC - K2+855 Qua kênh	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Phụ Chính			2+855	1,20	1,40		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
339	PC - K2+860	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính			2+860	0,40	0,50		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
340	PCT1 - K0+201	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính			0+201			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
341	PCT1 - K0+401	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính			0+401	0,60	0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
342	PCT1 - K0+557	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính			0+557	0,40	0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
343	PCT1 - K0+564	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính			0+564	0,50	0,55		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
344	PCT1 - K0+569	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính	Trái		0+569	0,40	0,60		1	V0	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu
345	PCT1 - K0+569, Cầu Máng	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	Tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính	Phải		0+569	0,40	0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
346	PCT3 - K0+364	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Văn Võ đi Phụ Chính	Phải		0+364			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu
347	PCT3 - K0+380	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Văn Võ đi Phụ Chính	Trái		0+380	0,60	0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Km	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm				Vận hành	
					tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Trái	0+384	B 1,00 H 1,20	Ø 1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
348	PCT3 - K0+384	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Trái	0+384	0,60 0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
349	PCT3 - K0+384	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Phải	0+384	0,60 0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
350	PCT3 - K0+384	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Trái	0+384	0,40 0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
351	PCT3 - K0+389	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính		0+389	0,40 0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
352	PCT3 - K0+601	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Phải	0+601	0,50 0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
353	PCT3 - K0+602	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Trái	0+602	1,00 0,90	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
354	PCT3 - K0+650	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Phải	0+650	0,30 0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
355	PCT3 - K0+655	Chương Mỹ	Hòa Chính	Kênh	tiêu Vắn Võ đi Phụ Chính	Phải	0+655	0,40 0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
356	CL2N1 - K3+274	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 28		3+274	0,70 1,20	4	V2	TC						Cổng	Vừa	Tưới
357	CL2N1 - K3+557	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 31	Trái	3+557	0,70 1,20	4	V2	TC						Cổng	Vừa	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H					
					Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu	Phải	0+826	3,00	0,90		1						Cổng	Vừa	Tưới	
358	HDN1 - K0+826	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh																
359	Tiêu An Vọng ngoài	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Sông	Đáy	Trái		1,28	2,55		2	V5	TC				Cổng	Vừa	Tiêu	
360	Tiêu An Vọng trong	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Sông	Đáy	Phải		2,30	2,30		2	V5	TC				Cổng	Vừa	Tiêu	
361	AV - K1+820	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng		1+820	1,50	1,20		1						Cổng	Vừa	Tiêu	
362	AV - K3+705	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng		3+705	3,00	2,20		1						Cổng	Vừa	Tiêu	
363	CL2N1 - K1+859	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu	Trái	1+859			0,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
					Nam TB Chi Lăng 2															
364	CL2N1 - K1+933	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 8	Trái	1+933			0,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
					Nam TB Chi Lăng 2															
365	CL2N1 - K1+933	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 9	Trái	1+933			0,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
					Nam TB Chi Lăng 2															
366	CL2N1 - K 1+977	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 10	Phải	1+977			0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
					Nam TB Chi Lăng 2															
367	CL2N1 - K1+977	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 11		1+977			0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
					Nam TB Chi Lăng 2															
368	CL2N1 - K2+110	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1-Chi Lăng 12		2+110			0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số Máy đm	Vận hành			
						Bờ	Km	B	H	Ø			B	H	Ø					
377	CL2N1 - K2+691	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 21	Phải	2+691		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
378	CL2N1 - K2+758	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 22	Trái	2+758		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
379	CL2N1 - K2+762	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 23	Phải	2+762		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
380	CL2N1 - K2+914	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 24	Trái	2+914		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
381	CL2N1 - K2+971	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 25	Phải	2+971		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
382	CL2N1 - K3+027	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 26	Trái	3+027		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
383	CL2N1 - K3+028	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 27	Phải	3+028		0,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
384	CL2N1 - K3+274	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 28	Phải	3+274	0,85	0,95	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ		Lý trình	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành
						B	H		Ø	B	H				Ø							
385	CL2N1 - K3+396	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 29	Phải	3+396			0,60	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
386	CL2 N1 - K3+557	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 30	Phải	3+557	0,80	0,70		1							Cổng Nhỏ	Tưới			
387	CL2N1 - K3+557	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 31	Phải	3+557	0,80	0,70		1							Cổng Nhỏ	Tưới			
388	CL2N1 - K3+568	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 32	Phải	3+568			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
389	CL2N1 - K3+568	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 33	Phải	3+568			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
390	CL2N1 - K4+017	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 34	Trái	4+017			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
391	CL2N1 - K4+017	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 35	Phải	4+017			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
392	CL2N1 - K4+345	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu, N1- Chi Lăng 36	Phải	4+345			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			

[illegible]

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	B	H	Ø	Số cửa				Máy đm	Vận hành	
415	AV - K1+575	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng			1+575			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
416	AV - K1+683	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Trái		1+683			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
417	AV - K2+070	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+070			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
418	AV - K2+180	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+180	0,85	0,50		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
419	AV - K2+190	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+190	0,70	0,20		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
420	AV - K2+390	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+390			0,50	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
421	AV - K2+426	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+426	1,00	1,00		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
422	AV - K2+467	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+467	0,50	0,70		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
423	AV - K2+589	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		2+589			0,35	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
424	AV - K2+591	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng			2+591	0,60	0,50		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
425	AV - K2+795	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Trái		2+795	0,70	2,60		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
426	AV - K2+795	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Trái		2+795			0,80	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
427	AV - K2+800	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Trái		2+800	0,60	0,50		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
428	AV - K2+900	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Trái		2+900			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
429	AV - K3+159	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		3+159	0,50	0,70		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
430	AV - K3+159	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		3+159	1,00	1,00		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
431	AV - K3+253	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		3+253			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
432	AV - K3+400	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiêu An Vọng	Phải		3+400	0,30	0,70		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø					
433	AV - K3+507	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu An Vọng	Trái	3+507	0,80	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
434	AV - K3+507	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu An Vọng	Trái	3+507	0,80	1,20		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
435	AV - K3+560	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu An Vọng		3+560			0,35	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
436	AV - K3+611	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu An Vọng	Trái	3+611			0,35	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
437	AV - K3+677	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu An Vọng	Trái	3+677			0,35	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
438	AV - K3+702	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu An Vọng		3+702	0,30	0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
439	AVT1-1 - K0+305	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu Đáp Trong	Phải	0+305	0,60	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
440	AVT1-1 - K0+623	Chương Mỹ	Hoàng Diệu	Kênh	tiểu Đáp Trong	Phải	0+623	0,50	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
441	Xá tiêu Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Sông	Bùi	Phải		1,70	1,20		1	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiêu		
442	Tiêu tự chảy Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Sông	Bùi			1,70	1,20		1	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiêu		
443	VSN2 - K0+532	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn	Trái	0+532	0,60	0,70		1	V0	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
444	VSN2 - K0+532	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn	Trái	0+532	1,00	1,00		1	V0	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
445	VSN2 - K1+171	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn		1+171			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
446	VSN2 - K1+371	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn		1+371			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
447	VSN2 - K1+684	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tươi Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn	Trái	1+684				0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tươi	
448	VSN2 - K1+904	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tươi Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn		1+904				0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tươi	
449	Đt VSN2 - K2+800	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tươi Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn		2+800	0,60	0,80		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tươi	
450	VSN2 - K2+820	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tươi Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-Văn Sơn		2+820			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tươi	
451	VSN2-1 - K0 - Móm Cá	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn		0+000	0,70	0,85		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tươi	
452	VSN2-1 - K0+058	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn		0+058			0,30	1	V0	TC						Cổng	Nhỏ	Tươi	
453	VSN2-1 - K0+177	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Trái	0+177			0,30	1	V0	TC						Cổng	Nhỏ	Tươi	
454	VSN2-1 - K0+266	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Trái	0+266			0,30	1	V0	TC						Cổng	Nhỏ	Tươi	
455	VSN2-1 - K0+323	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Trái	0+323	0,60	0,60		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tươi	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
456	VSN2-1 - K0+323	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn		0+323	0,70	0,85	1	V1	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
457	VSN2-1 - K0+413	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Trái	0+413			0,30	V0	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
458	VSN2-1 - K0+435	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn		0+435			0,30	V0	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
459	VSN2-1 - K0+565	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Trái	0+565			0,60	V0	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
Đt 460	VSN2-1 - K0+565	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn		0+565			0,30	V1	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
461	VSN2-2 - K0	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Phải	0+000	0,50	0,55	1	V0	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
462	VSN2-2 - K0+132	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	Nhánh N2-1 tưới Hồ Văn Sơn đi Cầu Tây, N2-1 - Văn Sơn	Trái	0+132			0,60	V0	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
463	CG - K0+005	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	chính TB Chùa Giáo		0+005			0,60	V1	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
464	CG - K0+467	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	chính TB Chùa Giáo		0+467	0,60	0,80	1	V1	TC					Cống Nhỏ	Tưới				
465	HVT - K0+210	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tiêu Hoàng Văn Thụ		0+210	1,00	1,20	1	V2	TC					Cống Nhỏ	Tiêu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
466	HVT - K0+545	Chương Mỹ	Hoàng Văn Thụ	Kênh	tiểu Hoàng Văn Thụ			0+545	1,00	1,20	1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
467	CS - K0+545	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ			0+545	3,20	1,20	1							Cổng	Vừa	Tươi		
468	CS - K0+035	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải		0+035			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tươi		
469	CS - K0+083	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ			0+083	0,80	1,30	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
470	CS - K0+137	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải		0+137	0,40	4,00	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
471	CS - K0+230	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ			0+230	0,40	4,00	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
472	CS - K0+266	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ			0+266	0,80	0,90	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tươi		
473	CS - K0+272	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải		0+272	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
474	CS - K0+280	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái		0+280			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tươi		
475	CS - K0+316	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải		0+316	0,80	1,40	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
476	CS - K0+349	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái		0+349	0,80	1,30	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
477	CS - K0+395	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ			0+395	1,10	1,30	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
478	CS - K0+416	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ			0+416	1,10	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
479	CS - K0+446	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải		0+446	1,00	1,30	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
480	CS - K0+471	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái		0+471	0,90	1,30	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
481	CS - K0+479	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái		0+479	0,30	0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
482	CS - K0+486	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải		0+486	1,00	1,40	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		
483	CS - K0+512	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái		0+512	0,70	1,20	1							Cổng	Nhỏ	Tươi		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2			Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ						
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Tiết diện (m)	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	B				H	Tiết diện (m)	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành
484	CS - K0+550	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái	0+550	0,70	1,20		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
485	CS - K0+551	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái	0+551			0,70	1											Cổng	Nhỏ	Tươi
486	CS - K0+561	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Trái	0+561	0,90	1,20		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
487	CS - K0+596	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ		0+596	0,90	1,20		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
488	CS - K0+850	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ		0+850	0,90	1,00		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
489	CS - K0+919	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ		0+919			0,60	1											Cổng	Nhỏ	Tươi
490	CS - K0+935	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải	0+935	1,20	1,30		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
491	Đt CS - K0+983	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ		0+983	1,00	1,20		1	V1	TC									Cổng	Nhỏ	Tươi
492	CS - K1+032	Chương Mỹ	Hồng Phong	Kênh	tươi Chợ sẽ	Phải	1+032	0,90	0,90		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
493	Đt TC-K4+674	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	4+674	2,85			4	V5	TC									Cổng	Lớn	Tiêu
494	AV - K3+878 - Lan Sơn	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+878	2,20	2,20		2	V5	TC									Cổng	Vừa	Tiêu
495	CL2N3 - K2+420	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 2	Trái	2+420	0,50	0,90		1											Cổng	Nhỏ	Tươi
496	CL2N3 - K2+490	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 3		2+490			0,30	1	V1	TC									Cổng	Nhỏ	Tươi
497	CL2N3 - K2+512	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 4	Trái	2+512			0,30	1	V1	TC									Cổng	Nhỏ	Tươi

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H				Ø	B						
498	CL2N3 - K2+600	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 5		2+600			0,80	1	V1	TC				Cổng Nhỏ	Tưới		
499	CL2N3 - K2+600	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 6	Phải	2+600	0,55	0,90	1							Cổng Nhỏ	Tưới		
500	CL2N3 - K2+728	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 7	Phải	2+728			0,30	1						Cổng Nhỏ	Tưới		
501	CL2N3 - K2+725	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 8	Phải	2+725	0,50	0,90	1							Cổng Nhỏ	Tưới		
502	CL2N3 - K2+967	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 9		2+967	1,00	0,90	1							Cổng Nhỏ	Tưới		
503	CL2N3 - K3+010	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 10		3+010	0,50	0,90	1							Cổng Nhỏ	Tưới		
504	CL2N3 - K3+033	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 11	Phải	3+033	0,50	0,90	1							Cổng Nhỏ	Tưới		
505	CL2N3 - K3+245	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3- Chi Lăng 12		3+245	1,00	1,40	1							Cổng Nhỏ	Tưới		
506	CL2N3-1 - K0+610	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	0+610	1,00	0,95	1							Cổng Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ				
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành	
									B	H	Ø				B	H							Ø
518	CL2N3-1 - K1+150	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	1+150		0,30	0,40	1	V0	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới	
519	CL2N3-1 - K1+197	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)		1+197				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
520	CL2N3-1 - K1+199	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	1+199				0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
521	CL2N3-1 - K1+258	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	1+258		0,40	0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
522	CL2N3-1 - K1+293	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	1+293				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
523	CL2N3-1 - K1+295	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	1+295				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
524	CL2N3-1 - K1+346	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	1+346				0,40	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
525	CL2N3-1 - K1+346	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	1+346		0,50	0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
526	CL2N3-1 - K1+348 (Lan Sơn)	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	1+348		1,10	1,65	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
527	CL2N3-1 - K1+361	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	1+361		0,30	0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
528	CL2N3-1 - K1+361	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)		1+361		0,30	0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy dm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy dm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
541	CL2N3-1 - K1+949	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)		1+949			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
542	CL2N3-1 - K2+064	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+064	0,45	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
543	CL2N3-1 - K2+64	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	2+64	0,45	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
544	CL2N 3-1 - K2+064	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+064	0,65	0,80		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
545	CL2N3-1 - K2+192	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	2+192	0,40	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
546	CL2N3-1 - K2+192	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+192	0,40	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
547	CL2N3-1 - K2+194	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	2+194	0,60	0,90		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
548	CL2N3-1 - K2+258	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+258			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
549	CL2N3-1 - K2+258	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)		2+258			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
550	CL2N3-1 - K2+310	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+310			0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
551	CL2N3-1 - K2+328	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	2+328	1,00	1,30		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
552	CL2N3-1 - K2+327	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+327	0,70	0,85		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm			
						Bờ	Km	B	H	Ø			B	H	Ø					
553	CL2N3-1 - K2+400	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	2+400			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới
554	CL2N3-1 - K2+467	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)		2+467	0,40	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới
555	CL2N3-1 - K2+468	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Trái	2+468			0,70	1							Cổng	Nhỏ	Tưới
556	CL2N3-1 - K2+467	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)	Phải	2+467	0,40	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới
557	CL2N3-2 - K0+775	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	N36 đi Hợp Đồng (N3-1 Chi Lăng 2)		0+775	0,70	0,90		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới
558	AV - K3+708	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+708	0,80	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu
559	AV - K3+708	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+708	0,80	0,90		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu
560	AV - K3+771	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+771			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu
561	AV - K3+878	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+878			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu
562	AV - K3+878	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+878			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu
563	AV - K3+981	Chương Mỹ	Hợp Đồng	Kênh	tiêu An Vọng		3+981			0,35	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu
564	CL2 - K0	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2		0	3,10	1,80		1							Cổng	Vừa	Tưới
565	Đt CL2N3 - K1+314	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Phải	1+314	1,60	1,40		1	V2	TC					Cổng	Vừa	Tưới
566	CL2N2 - K0+845	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2	Phải	0+845	2,00	1,50		1	V1	TC					Cổng	Vừa	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)		Số Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					
						Bờ	Km	B	H			Ø	B	H			
567	TH - K0+242	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thụy Hương		0+242	4,50	3,80	1					Cổng	Vừa	Tiêu
568	Đr AV - K4+991	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thụy Hương	Trái	4+991	1,00	1,40	2	V2	TC			Cổng	Vừa	Tiêu
569	Đr AV - K4+994	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thụy Hương		4+994	1,00	1,40	2	V2	TC			Cổng	Vừa	Tiêu
570	CL2 - K0+094	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2		0+094	0,50	1,30	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới
571	CL2 - K0+101	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2		0+101	0,50	1,30	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới
572	CL2 - K0+200	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2	Trái	0+200			0,30	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
573	CL2 - K0+298	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2	Phải	0+298	0,60	1,40	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới
574	CL2 - K0+379	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2		0+379	0,80	1,70	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới
575	CL2 - K0+419	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	chuyển chung TB Chi Lăng 2	Trái	0+419	1,30	2,10	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới
576	CL2N3 - K0	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2		0+000	0,90	1,55	1	V2	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới
577	CL2N3 - K0+123	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2		0+123			0,40	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
578	CL2N3 - K0+731	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2		0+731	0,75	1,40	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
579	CL2N3 - K0+731	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2		0+731	1,00	1,40		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
580	CL2N3 - K0+884	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Trái	0+884			0,40	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
581	CL2N3 - K1+054	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Phải	1+054	0,80	1,20		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
582	CL2N2- K1+545	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Trái	1+545			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
583	CL2N3 - K1+747	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Phải	1+747	1,00	1,40		1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
584	CL2N3 - K1+747	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Trái	1+747	1,00	1,40		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
585	CL2N3 - K1+872	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2		1+872			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
586	CL2N3 - K1+882	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2		1+882	1,00	1,20		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình	Bờ	Km	B	H	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	B	H				Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm
587	CL2N3 - K1+970	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Trái		1+970	0,60	1,20		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
588	CL2N3 - K2+098	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Tây TB Chi Lăng 2 đi Đại Yên, N3-Chi Lăng 2	Phải		2+098	1,30	1,10		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
589	CL2N2 - K0	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2			0+000	0,95	1,50		1	V2							Cổng	Nhỏ	Tưới
590	CL2N2 - K0+410	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2	Trái		0+410	0,90	1,00		1	V1							Cổng	Nhỏ	Tưới
591	CL2N2 - K0+835, Ngầm	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2	Phải		0+835	0,70	0,80		1	V1							Cổng	Nhỏ	Tưới
592	CL2N2 - K0+840, Địa Chợt	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2	Phải		0+840	0,70	1,40		1	V2							Cổng	Nhỏ	Tưới
593	CL2N2 - K0+840, Cửa Đền	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2			0+840	1,40	2,00		1	V2							Cổng	Nhỏ	Tưới
594	CL2N2 - K0+930	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2			0+930	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
595	CL2N2 - K0+959	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2			0+959	0,60	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
596	CL2N2 - K0+960	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2			0+960	0,40	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
597	CL2N1 - K0	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu			0+000	1,00	1,50		1	V1							Cổng	Nhỏ	Tưới
598	CL2N1 - K0+262	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu	Trái		0+262				1	V2							Cổng	Nhỏ	Tưới
599	CL2N1 - K0+376	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	Nam TB Chi Lăng 2 đi Hoàng Diệu	Trái		0+376				1	V2							Cổng	Nhỏ	Tưới

[illegible]

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
625	CL1-K1+450	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tươi TB Chi Lăng 1	Phải	1+450	0,20	0,30		1								Cổng	Nhỏ	Tươi	
626	CL1-K1+450 Lương Xã	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tươi TB Chi Lăng 1	Trái	1+450	0,20	0,30		1								Cổng	Nhỏ	Tươi	
627	TH - K0+014	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	0+014	0,70	0,90		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
628	TH - K0+097	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thập Cửu		0+097	0,50	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
629	TH - K0+141	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thập Cửu		0+141			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
630	TH - K0+251	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	0+251			0,90	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
631	TH - K0+769	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Thập Cửu		0+769			0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
632	AV - K4+061	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+061			0,35	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
633	AV - K4+061	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+061			0,35	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
634	AV - K4+164	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+164			0,35	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
635	AV - K4+164	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+164			1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
636	AV - K4+240	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+240			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
637	AV - K4+272	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+272			0,35	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
638	AV - K4+306	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	4+306			0,35	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
639	AV - K4+364	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+364	0,20	0,30		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
640	AV - K4+370	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+370			0,35	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
641	AV - K4+370	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Phải	4+370			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
642	AV - K4+453	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+453	0,30	0,30		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
643	AV - K4+461	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+461			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
644	AV - K4+465	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	4+465			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
645	AV - K4+570	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	4+570	0,60	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
646	AV - K4+570	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+570			0,50	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
647	AV - K4+574	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+574	0,40	0,60		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
648	AV - K4+574	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+574	1,10	1,60		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
649	AV - K4+578	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+578	0,40	0,60		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
650	AV - K4+617	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+617			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
651	AV - K4+655	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+655			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
652	AV - K4+655	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+655			0,35	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
653	AV - K4+665	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng		4+665			0,60	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
654	AV - K4+742	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	4+742			0,35	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
655	AV - K4+742	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Phải	4+742	0,80	0,40		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
656	AV - K4+919	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Phải	4+919			0,35	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
657	AV - K4+956	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Phải	4+956			0,25	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
658	AV - K4+991	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Phải	4+991			0,35	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
659	AV - K5+119	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	5+119			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
660	AV - K5+119	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	5+119	1,00			1				Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
661	AV - K5+119	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu An Vọng	Trái	5+119			0,35	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
662	AVT4 - K0+545	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Đồng Ao		0+545	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
663	AVT4 - K0+910	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Đồng Ao	Trái	0+910	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
664	AVT2 - K0+001	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	0+001	0,50	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
665	AVT2- K0+004	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	0+004			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
666	AVT2 - K0+166	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	0+166	0,70	1,20		2							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
667	AVT2 - K0+115	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Trái	0+115	0,50	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
668	AVT2 - K0+339	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	0+339	0,50	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
669	AVT2 - K0+343	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	0+343	0,50	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
670	AVT2 - K0+686	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Trái	0+686	0,50	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
671	AVT2 - K0+686	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	0+686	0,50	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
672	AVT2 - K0+689	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Trái	0+689	0,70	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
673	AVT2 - K0+854	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3		0+854	1,00	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
674	AVT2 - K1+092	Chương Mỹ	Lam Điền	Kênh	tiêu Tuyến 3	Phải	1+092	1,20	1,30		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
675	Tiêu Đàm Mới	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2 - Sông Đào	Phải		1,50	2,00		1	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu		
676	ĐM - K0+150 Giữa	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Bùi		0+150	2,00	2,00		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
677	ĐM- K0+603	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Tiêu Đàm Mới	Trái	0+603	1,50	1,20		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
678	ĐM - K1+700	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Tiêu Đàm Mới	Trái	1+700	1,50	1,60		1							Cổng	Vừa	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m) B H Ø			
679	TC - K1+220	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	1+220	2,20	2,20		1	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
680	TC-K3+420 N14	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		3+420			0,80	3	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
681	TC-K5+508	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		5+508			0,80	2	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
682	TC-K5+904	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		5+904			0,80	2	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
683	TC-K7+039	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	7+039			1,50	1	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
684	TC-K7+365	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	7+365			1,50	1	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
685	ĐQ K0+4	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		0+004	1,60	1,20		1				Cổng	Vừa	Tiêu
686	ĐQ K0+289	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết	Phải	0+289	3,00	1,50		1				Cổng	Vừa	Tiêu
687	K0+967	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đồng Sơn	Trái	0+967	1,60	1,60		2	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
688	BTH - K1+220	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương		1+220	2,00	0,90		1				Cổng	Vừa	Tiêu
689	Đt-OC-K1+002	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Ông Canh	Trái	1+002	0,80	2,20		2				Cổng	Vừa	Tiêu
690	Tiêu tự chảy Tb tiêu Văn La	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy	Trái		1,80	1,80		1	V2	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
691	Xả Tb tiêu Văn La	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy	Phải		1,80	1,80		1	V3	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
692	Xả Tb tiêu Yên Cốc	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy	Trái				1,00	2				Cổng	Vừa	Tiêu
693	Tiêu tự chảy Tb tiêu Mỹ Thượng	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy	Trái		1,80	2,00		1	V3	TC		Cổng	Vừa	Tiêu
694	Xả Tb tiêu Mỹ Thượng	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy	Phải		1,70	2,70		1				Cổng	Vừa	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H						
695	Tiêu tự chảy Tb tiêu Mỹ Hạ	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy		Trái		1,80	2,00		1	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu
696	Tiêu tự chảy Tb tiêu Đàm Buộm	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy		Phải		1,80	2,20		1	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu
697	Xả Tb tiêu Đàm Buộm	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy		Phải		1,40	1,00		2							Cổng	Vừa	Tiêu
698	Tiêu tự chảy Tb tiêu Nhân Lý	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy		Trái		1,80	3,00		1	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu
699	Xả Tb tiêu Nhân Lý	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Sông	Đáy		Phải		1,60	1,70		1							Cổng	Vừa	Tiêu
700	Bể xả Tb tiêu Trung Hoàng	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Tháp Cừu		Trái		1,60	1,70		1							Cổng	Vừa	Tiêu
701	Bể xả tiêu Trung Hoàng	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Tháp Cừu				1,50	2,10		1							Cổng	Vừa	Tiêu
702	K0+400	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Thương		Trái	0+400	2,00	2,00		1	V2	TC					Cổng	Vừa	Tiêu
703	K0+423	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Nhân Lý		Trái	0+423	1,50	2,00		1	V2	TC					Cổng	Vừa	Tiêu
704	K0+958	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Nhân Lý			0+958	1,00	1,00	1,00	1	V2	TC					Cổng	Vừa	Tiêu
705	SD - K0+020	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	chính TB Sông Đào			0+020	0,50	0,55		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới
706	SD - K0+021	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	chính TB Sông Đào			0+021	1,20	1,10		1							Cổng	Nhỏ	Tưới
707	SD - K0+029	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	chính TB Sông Đào			0+029	0,50	0,55		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới
708	SDN1 - K0+107	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Trần Phú, N1- Sông Đào			0+107	0,30	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.ctr	Tại công trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã		Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø					
709	SĐN1 - K0+168	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Trần Phú, N1- Sông Đào		0+168	0,30	0,40		1					Cổng	Nhỏ	Tưới			
710	SĐN2 - K0+024	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Trần Phú, N1- Sông Đào		0+024		0,75	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
711	SĐN2 - K0+059	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+059		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
712	SĐN2 - K0+109	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+109		0,75	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
713	SĐN2 - K0+164	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+164		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
714	SĐN2 - K0+216	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+216	1,00	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
715	SĐN2 - K0+220	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+220		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
716	SĐN2 - K0+226	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+226	1,10	1,10	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
717	SĐN2 - K0+250	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+250		1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
718	SĐN2 - K0+274	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+274		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
719	SĐN2 - K0+321	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+321		0,75	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
720	SĐN2 - K0+374	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+374			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
721	SĐN2 - K0+422	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+422			0,75	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
722	SĐN2 - K0+478	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+478			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
723	SĐN2 - K0+529	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+529			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
724	SĐN2 - K0+531	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+531	1,00	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
725	SĐN2 - K0+586	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+586			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
726	SĐN2 - K0+637	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+637			0,75	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
727	SĐN2 - K0+689	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+689			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
728	SĐN2 - K0+740	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+740			0,75	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
729	SĐN2 - K0+745	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+745			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
730	SĐN2 - K0+745	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+745	0,60	1,20		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
731	SĐN2 - K0+843	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+843			0,75	1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại công trình		Loại c.tr		Tại công trình		Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại	Tên công trình	Bờ	Km	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành			
732	SĐN2 - K0+896	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+896			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
733	SĐN2 - K0+947	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+947			0,75	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
734	SĐN2 - K0+994	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		0+994			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
735	SĐN2 - K1+036	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+036			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
736	SĐN2 - K1+082	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+082	1,00	1,00		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
737	SĐN2 - K1+082	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+082	0,60	1,20		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
738	SĐN2 - K1+182	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+182			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
739	SĐN2 - K1+183	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+183			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
740	SĐN2 - K1+275	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+275			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
741	SĐN2 - K1+280	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+280			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
742	SĐN2 - K1+285	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+285			0,20	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
743	SĐN2 - K1+348	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2- Sông Đào		1+348			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
761	ĐM - K0+436	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+436			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
762	ĐM - K0+464	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+464			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
763	ĐM - K0+495	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Trái	0+495			0,75	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
764	ĐM - K0+543	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+543			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
765	ĐM - K0+585	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Trái	0+585			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
766	ĐM - K0+629	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+629			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
767	ĐM - K0+680	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Phải	0+680	1,00	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
768	Tiêu Gò Khoằm	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới			1,00	1,00		1	V3	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
769	ĐM - K0+145	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+145			0,75	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
770	ĐM - K0+145	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+145			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
771	ĐM - K0+269	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+269			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
772	ĐM - K0+319	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+319			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
773	ĐM - K0+363	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Phải	0+363			0,75	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
774	ĐM - K0+403	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+403			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
775	ĐM - K0+583	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới		0+583			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
776	ĐM - K0+583	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Trái	0+583	1,00	1,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
777	ĐM - K0+701	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Trái	0+701			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
778	ĐM - K0+706	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tưới TB Đầm Mới	Phải	0+706			0,75	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
797	TC - K0+514	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	0+514	1,20	1,20		1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
798	TC - K0+850	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		0+850			0,30	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
799	TC - K1+098	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	1+098			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
800	TC - K1+467	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	1+467			1,00	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
801	TC - K1+940	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	1+940			1,00	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
802	TC - K2+292	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	2+292			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
803	TC - K2+292	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	2+292			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
804	TC - K2+315	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	2+315			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
805	TC - K2+315, Bếp bà duy	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	2+315			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
806	TC - K2+584	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	2+584			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
807	TC - K2+740	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		2+740			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
808	TC - K2+824	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		2+824			1,00	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
809	TC - K2+838	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		2+838			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
810	TC - K2+838	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	2+838			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
811	TC- K3+150	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	3+150			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
812	TC - K3+170 Đội 6	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	3+170			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
813	TC-K3+544 N12	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	3+544			0,80	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
814	TC-K3+812 Cón Đảo	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		3+812			1,20	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
815	TC-K3+825 Chéo	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		3+825			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
816	TC-K4+008 Hòa	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	4+008			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
817	TC-K4+70 Dưới	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		4+70			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
818	TC-K4+297 Trên	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	4+297			0,90	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
819	TC-K4+344	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	4+344			0,90	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
820	TC-K4+344	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	4+344			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
821	TC-K4+747	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		4+747		1,95	0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
822	TC-K4+756	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	4+756			1,00	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
823	TC-K4+774	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	4+774	1,20	0,85		1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
824	TC-K4+776	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	4+776			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
825	TC-K5+073	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		5+073			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
826	TC-K5+148	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		5+148			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
827	TC-K5+588	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu		5+588			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
828	TC-K6+060	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	6+060			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
829	TC-K6+102	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	6+102			0,80	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
830	TC-K6+449	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	6+449			1,00	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
831	TC-K7+122	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	7+122			0,80	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu			
832	TC-K7+782	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	7+782			0,60	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu			
833	TC -K8+004	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	8+004			0,80	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu			
834	TC-K8+224	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	8+224			0,80	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu			
835	TC-K8+669	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	8+669			0,40	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu			
836	TC-K8+694	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Phải	8+694			0,80	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiểu			
837	TC - K9+619	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Thập Cửu	Trái	9+619		0,80	1,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
838	N5- K0+10	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+10		0,60	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
839	N5 K0+192	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+192		0,60	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
840	N5 K0+340	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+340		0,60	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
841	N5 K0+345	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+345		0,60	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
842	N5 K0+428	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Phải	0+428		0,30	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
843	N5 K0+469	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+469		0,80	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
844	N5- K0+560	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Phải	0+560		0,40	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
845	N5 K0+659	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+659		1,00	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
846	N5 K0+701	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+701		1,00	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
847	N5 K0+701	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Phải	0+701		0,80	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			
848	N5 K0+815	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+815		0,40	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)	Số cửa			
							Km	B	H	Ø		B	H	Ø		
849	N5 K0+939	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Phải	0+939	0,30	1,00	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
850	N5 K0+942	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu N5	Trái	0+942	1,20	1,20	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
851	ĐQ K0+33	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		0+033			0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
852	ĐQ K0+167	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		0+167			0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
853	Cổng ĐQ K0+168	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		0+168			0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
854	ĐQ K0+397	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết	Trái	0+397			0,50	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
855	ĐQ K0+397	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết	Phải	0+397	0,80	2,00	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
856	ĐQ K0+506	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		0+506			0,30	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
857	ĐQ K0+582	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết	Phải	0+582			0,30	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
858	ĐG K0+600	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		0+600			0,60	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
859	ĐQ K0+879	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết	Phải	0+879			0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
860	ĐQ K0+889	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết	Trái	0+889			0,30	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
861	ĐQ K1+8	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		1+008			0,30	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
862	ĐQ K1+10	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		1+010	1,20	1,20	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
863	ĐQ K1+11	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		1+011			0,20	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
864	ĐQ K1+74	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		1+074			0,60	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
865	ĐQ K1+400	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Quyết		1+400			1,00	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
866	K0+4	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đồng Sơn	Trái	0+004			0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
867	K0+60	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	0+060		0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
868	K0+107	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn		0+107		0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
869	K0+445	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	0+445		0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
870	K0+768	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Trái	0+768	1,20	1,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
871	K0+775	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Trái	0+775		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
872	K0+860	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	0+860		0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
873	K0+934	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	0+934	0,80	3,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
874	K1+11	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn		1+011		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
875	K1+26	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	1+026		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
876	K0+107	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Trái	0+107		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
877	K0+107	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	0+107		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
878	K0+190	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	0+190		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
879	K1+214	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Trái	1+214		0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
880	K1+220	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn		1+220		1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
881	K1+225	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Trái	1+225		0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
882	K1+257	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	1+257		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
883	K1+260	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Trái	1+260		0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
884	K1+331	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiểu K8 Đông Sơn	Phải	1+331		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình	Bờ	Km	Loại c.tr	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
										B	H	Ø	B	H	Ø		
885	K1+345	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đông Sơn	Phải		1+345	Kênh		0,30	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
886	K1+357	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đông Sơn			1+357	Kênh		1,00	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
887	K1+360	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đông Sơn	Phải		1+360	Kênh		0,60	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
888	K1+372	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đông Sơn			1+372	Kênh	1,40	1,50	1	V1	TC		Cổng Nhỏ	Tiêu
889	K1+384	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đông Sơn			1+384	Kênh		0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
890	K1+466	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu K8 Đông Sơn			1+466	Kênh		0,60	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
891	BTH - K0+620	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương			0+620	Kênh	1,00	1,30	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
892	BTH - K0+904	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương			0+904	Kênh		0,50	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
893	BTH - K1+003	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương			1+003	Kênh	1,00	0,70	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
894	BTH - K1+011	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương			1+011	Kênh		0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
895	BTH - K1+250	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương			1+250	Kênh		0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
896	BTH - K1+360	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương	Phải		1+360	Kênh		0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
897	BTH - K1+362	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương	Trái		1+362	Kênh		0,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
898	BTH - K1+622	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Bãi Thụy Hương	Phải		1+622	Kênh	0,60	0,60	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
899	OC- K0+002Trái	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Ông Canh	Phải		0+002	Kênh	0,40	0,55	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
900	OC- K1+100	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Ông Canh	Phải		1+100	Kênh	0,60	1,30	2				Cổng Nhỏ	Tiêu
901	Tiêu LL - K1+311	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Lái Lũ	Phải		1+311	Kênh	1,00	1,40	1				Cổng Nhỏ	Tiêu
902	TVHC - K0+50	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Vàng	Trái		0+050	Kênh	1,20	1,50	1	V2	TC		Cổng Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy dm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy dm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
903	TVHC - K0+65	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Vàng	Phải	0+065	0,80	0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
904	TVHC - K0+150	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Vàng	Trái	0+150	1,20	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
905	TVĐP - K0+305	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Vàng	Phải	0+305	1,00	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
906	TVĐP - K0+403	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Vàng	Phải	0+403	0,80	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
907	QĐ K0	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Quán Đùn	Trái	0+000	0,70	0,70	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
908	QĐ K0+62	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Quán Đùn	Phải	0+062	1,30	0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
909	QĐ K0+410	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Quán Đùn	Phải	0+410	1,40	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
910	CG K0+0	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu từ Cây Găng đi Đông Sơn	Trái	0+000		1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
911	CG K0+150 G	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu từ Cây Găng đi Đông Sơn	Trái	0+150		0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
912	HDT11 - K0+400	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Tré đi Thập Cừu	Phải	0+400	1,00	1,50	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
913	HDT11 - K0+700	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đồng Tré đi Thập Cừu	Trái	0+700	0,90	0,65	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
914	TNT1-2 - K0+424	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Máng 7C	Trái	0+424		0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
915	TNT1-2 - K0+429	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Máng 7C	Trái	0+429		0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
916	TNT1-2 - K0+430	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Máng 7C	Phải	0+430	0,30	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
917	TNT1-2 - K0+550	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Máng 7C	Phải	0+550			1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				
918	TNT1-2 - K0+570	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Máng 7C	Phải	0+570	1,20	1,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiểu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H						
934	K0+480	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Thượng	Phải	0+480			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
935	K0+700	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Thượng	Phải	0+700			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
936	K0+350	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Trái	0+350			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
937	K0+370	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Phải	0+370			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
938	K0+800	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ		0+800	1,10	1,70		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu	
939	K1+50	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Trái	1+50			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
940	K1+50	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Phải	1+50			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
941	K1+250	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Phải	1+250			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
942	K1+350	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Phải	1+350			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
943	K1+500	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ		1+500	1,20	1,70		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu	
944	K1+540	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ		1+540			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
945	K1+560	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Trái	1+560			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
946	K1+600	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ		1+600			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
947	K1+700	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Phải	1+700	1,30	1,50		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu	
948	K1+830	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Trái	1+830			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
949	K1+830	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Trái	1+830			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
950	K1+900	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ		1+900			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
951	K1+990	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Mỹ Hạ	Phải	1+990			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H						
970	K2+080	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Nhân Lý	Trái	2+080			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
971	K2+200	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Nhân Lý	Phải	2+200			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
972	K0+290	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đàm Buộm	Phải	0+290			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
973	K0+290	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	tiêu Đàm Buộm	Trái	0+290			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
974	HB -DS Chiềng lệ	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Trái		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
975	HB - DS Xuất	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Phải		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
976	HB - DS Điệt	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Phải		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
977	HB -DS Thủy	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Phải		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
978	HB -DS Thuận	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Phải		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
979	HB -DS Thành trì	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Trái		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
980	HB -DS Nhâm-Gửi	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Trái		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
981	HB - DS Nghéché-Công	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Phải		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
982	HB -DS Lý đáng	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Trái		0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
983	HB- cũ	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Phải		0,40	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
984	HB- DS ô. Sung	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình			0,60	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
985	HB- DS ô. Tu	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	Máng Hòa Bình	Trái		0,60	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
986	Máng 7A K0+78.96	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Phải	0+079			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
987	Máng K0+355.28	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		0+355			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
988	Máng K0+384.45	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		0+384			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
989	Máng K0+532.76	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Trái	0+533			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
990	Máng K0+657.20	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Trái	0+657			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
991	Máng K0+662.10	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Phải	0+662			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
992	Máng K0+916.71	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		0+917			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
993	Máng K1+008.56	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Phải	1+009			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
994	Máng K1+047.20	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Phải	1+047			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
995	Máng K1+167.40	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Trái	1+167			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
996	Máng K1+171.02	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Trái	1+171			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
997	Máng K1+310.24	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		1+310			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
998	Máng K1+406.45	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Trái	1+406			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H				Ø	B						
999	Máng K1+603.34	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		1+603			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1000	Máng K1+699.28	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An	Phải	1+699			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1001	Máng K1+991.92	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		1+992			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1002	Máng K1+991.92	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		1+992			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1003	Máng K2+001.00	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+001			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1004	Máng K2+001.00	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+001			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1005	Máng K2+340.66	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+341			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1006	Máng K2+358.87	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+359			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1007	Đt K2+361.65	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+362			0,60	1					Nhỏ	Tưới			
1008	Máng K2+364.55	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+365			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1009	Máng K2+471.07	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+471			0,30	1					Nhỏ	Tưới			
1010	Máng K2+481.16	Chương Mỹ	Mỹ Lương	Kênh	từ máng 7A đi Phú Nam An		2+481			0,30	1					Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
1024	Đt MN4 - K0+292	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+292	0,60	0,80		1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1025	MN4 - K0+292	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+292			0,60	1							Cổng Nhỏ	Tưới			
1026	MN4 - K0+559	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+559	0,70	0,20		1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1027	MN4 - K0+559	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+559			0,60	1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1028	MN4 - K0+559	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+559			0,60	1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1029	MN4 - K0+885	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+885	1,00	1,00		1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1030	MN4 - K0+885	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		0+885	1,25	1,00		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1031	MN4 - K1+165	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		1+165			0,60	1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1032	MN4 - K1+498	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới chính hồ Miếu (N1-hồ Miếu)		1+498			0,60	1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1033	MN2 - K0	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới hồ Miếu đi hồ Văn Sơn (N2-Miếu)		0+000	0,80	1,30		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tưới			
1034	MN2 - K0+252	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới hồ Miếu đi hồ Văn Sơn (N2-Miếu)		0+252			0,60	1							Cổng Nhỏ	Tưới			
1035	MN2 - K0+594	Chương Mỹ	Nam Phương Tiến	Kênh	tưới hồ Miếu đi hồ Văn Sơn (N2-Miếu)		0+594	0,70	0,20		1							Cổng Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa				Máy đm	Vận hành
								B	H	Ø				B	H						
1050	CL2N2 - K3+739	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2, N2- Chi Lăng		3+739				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
1051	CL2N2 - K3+741	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2, N2- Chi Lăng		3+741	0,70	1,50			1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
1052	CL2N2 - K4+090	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2, N2- Chi Lăng		4+090	0,60	0,70			1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
1053	CL2N2 - K4+212	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2, N2- Chi Lăng		4+212	0,70	0,70			1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
1054	CL2N2 - K4+481	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2, N2- Chi Lăng	Phải	4+481	0,70	0,70			1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
1055	CL2N2 - K4+572	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	Bắc TB Chi Lăng 2, N2- Chi Lăng	Trái	4+572			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1056	RG - K4+500	Chương Mỹ	Ngọc Hòa	Kênh	tiêu Ruột Gà	Phải	4+500			1,00	1	V5	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu	
1057	Điều tiết PC - K3+164	Chương Mỹ	Phú Nam An	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải	3+164	1,40	1,80		2							Cổng	Vừa	Tiêu	
1058	PC - K2+860	Chương Mỹ	Phú Nam An	Kênh	tiêu Phụ Chính		2+860	0,60	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
1059	PC - K3+164	Chương Mỹ	Phú Nam An	Kênh	tiêu Phụ Chính		3+164	0,80	1,10		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
1060	PC - K3+164	Chương Mỹ	Phú Nam An	Kênh	tiêu Phụ Chính	Trái	3+164	1,10	1,10		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
1061	ĐSN1 - K2+080	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		2+080	1,80	1,20		1							Cổng	Vừa	Tưới	
1062	AS - K5+058	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn	Phải	5+058	2,00	1,40		2	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ				
		Cấp huyện	Cấp xã		Tên công trình	Bờ	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành	
								B	H	Ø				B	H							Ø
1063	AS - K5+999	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			5+999	2,20	2,40		1	V5	TC				Cổng	Vừa	Tiểu		
1064	ĐSN1 - K1+709	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	1+709				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1065	ĐSN1 - K2+076	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	2+076				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1066	ĐSN1 - K2+424	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		2+424				0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1067	ĐSN1 - K2+435	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		2+435				0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1068	ĐSN1 - K3+075	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+075				0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1069	ĐSN1 - K3+080	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	3+080	1,00	1,00			1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1070	ĐSN1 - K3+187	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	3+187				0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1071	ĐSN1 - K3+310	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+310				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy dm	Vận hành				
1072	ĐSN1 - K3+340	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+340			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1073	ĐSN1 - K3+348	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+348			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1074	ĐSN1 - K3+498	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+498			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1075	ĐSN1 - K3+503	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	3+503			0,60	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1076	ĐSN1 - K3+526	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+526			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1077	ĐSN1 - K3+564	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	3+564			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1078	ĐSN1 - K3+567	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	3+567	1,20	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1079	ĐSN1 - K3+732	Chương Mỹ	Phù nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		3+732			0,40	1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
1080	ĐSN1 - K3+935	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	3+935				0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1081	ĐSN1 - K4+135	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	4+135				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1082	ĐSN1 - K4+137	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	4+137				0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1083	ĐSN1 - K4+159	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	4+159				0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1084	ĐSN1 - K4+361	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	4+361				0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1085	ĐSN1 - K4+471	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	4+471		0,80	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1086	Đt ĐSN1 - K4+487	Chương Mỹ	Phú nghĩa	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		4+487		1,00	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1087	AS - K2+600	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		2+600		0,80	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
1088	AS - K2+689	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		2+689				0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
1089	AS - K2+887	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		2+887				0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ				
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình	Bờ	Km	B	H	Ø	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	B	H				Ø	Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm
1090	AS - K3+138	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			3+138			0,60	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1091	AS - K3+138	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Phải	3+138			0,60	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1092	AS - K3+277	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			3+277	0,80	0,80		1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1093	AS - K3+454	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	3+454			0,80	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1094	AS - K4+454	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Phải	4+454			0,80	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1095	AS - K3+477	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	3+477	1,00	1,00		1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1096	AS - K3+700	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	3+700	1,00	1,00		1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1097	AS - K4+030	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			4+030			0,60	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1098	AS - K4+070	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	4+070	1,20	1,20		1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1099	AS - K4+091	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	4+091			0,60	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1100	AS - K4+658	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	4+658	1,40	1,20		1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1101	AS - K5+020	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			5+020			1,10	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1102	AS - K5+267	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	5+267			1,00	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1103	AS - K5+382	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn		Trái	5+382			0,60	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1104	AS - K5+385	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			5+385			1,10	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1105	AS - K5+798	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			5+798			1,10	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1106	AS - K5+918	Chương Mỹ	Phú Nghĩa	Kênh	Tiêu An Sơn			5+918			0,60	1											Cổng Nhỏ	Tiêu
1107	PC - K 0+673	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải		0+673	1,80	1,80		1											Cổng Vừa	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã			Bờ	Km	B	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành
									H	Ø				B	H						
1108	PC - K1+252	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải	1+252	1,80	1,80	1						Cổng	Vừa	Tưới			
1109	Đt PC - K1+784	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Trái	1+784	1,80	1,80	1	V3	TC				Cổng	Vừa	Tưới			
1110	PC - K1+814	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu		1+814	1,80	1,80	1						Cổng	Vừa	Tưới			
1111	PC - K2+330	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Trái	2+330	1,80	1,80	1	V0	TC				Cổng	Vừa	Tưới			
1112	ĐSN1 - K0+217	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	0+217	1,60	1,20	1						Cổng	Vừa	Tưới			
1113	Xả tiêu Tb Phụng Châu	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	xả TB tiêu Phụng Châu			1,40	1,50	2	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
1114	PC - K0+280	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Trái	0+280	2,10	2,50	1						Cổng	Vừa	Tiểu			
1115	PC - K1+350	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Trái	1+350	1,50	3,10	1						Cổng	Vừa	Tiểu			
1116	PC - K1+980	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải	1+980	2,10	2,50	1						Cổng	Vừa	Tiểu			
1117	PC - K2+180	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Trái	2+180	1,80	2,00	1						Cổng	Vừa	Tiểu			
1118	PC - K2+182	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải	2+182	1,50	2,00	1						Cổng	Vừa	Tiểu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
								B	H	Ø				B	H	Ø						
1131	PC - K2+430	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải	2+430				0,60	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
1132	PC- K2+473	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu		2+473				0,60	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
1133	PC-K2+483	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải	2+483				1,00	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
1134	PC - K2+485	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu	Phải	2+485				0,60	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
1135	PC - K2+645	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	chính TB tưới Phụng Châu		2+645				0,60	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
1136	ĐSN1 - K0+26	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	0+026				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1137	ĐSN1 - K0+164	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Phải	0+164				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1138	ĐSN1 - K0+322	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	0+322				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1139	ĐSN1 - K0+557	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		0+557				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
1140	ĐSN1 - K0+657	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương	Trái	0+657				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H				Ø	B						
1141	ĐSN1 - K0+852	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		0+852	0,50	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1142	ĐSN1 - K1+272	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		1+272		0,30	1						Cổng Nhỏ	Tươi			
1143	ĐSN1 - K1+294	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		1+294	0,50	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1144	ĐSN1 - K1+544	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Tiên Phương		1+544		0,30	1						Cổng Nhỏ	Tươi			
1145	ĐSN4 - K0+071	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Trái	0+071		0,20	1						Cổng Nhỏ	Tươi			
1146	ĐSN4 - K0+185	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	0+185		0,30	1						Cổng Nhỏ	Tươi			
1147	ĐSN4 - K0+292	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		0+292		0,20	1						Cổng Nhỏ	Tươi			
1148	ĐSN4 - K0+315	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tươi TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	0+315		0,20	1						Cổng Nhỏ	Tươi			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H				Ø	B						
11149	ĐSN4 - K0+366	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	0+366			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11150	ĐSN4 - K0+372	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Trái	0+372			0,20	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11151	ĐSN4 - K0+423	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	0+423			0,20	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11152	ĐSN4 - K0+466	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Trái	0+466			0,20	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11153	ĐSN4 - K0+504	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Trái	0+504			0,20	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11154	ĐSN4 - K0+545	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Trái	0+545			0,30	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11155	ĐSN4 - K0+728	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	0+728			0,30	1					Cổng Nhỏ	Tưới			
11156	ĐSN4 - K0+985	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	0+985			0,30	1					Cổng Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
1157	ĐSN4 - K1+080	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		1+080			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1158	ĐSN4 - K1+201	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	1+201			0,20	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1159	ĐSN4 - K1+348	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		1+348			0,20	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1160	ĐSN4 - K1+425	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	1+425			0,30	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1161	ĐSN4 - K1+473	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		1+473	0,80	0,80		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1162	Đt ĐSN4 - K1+477	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		1+477	0,90	1,30		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1163	ĐSN4 - K1+482	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	1+482	0,90	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1164	ĐSN4 - K1+793	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		1+793			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)	B	H	Ø
1165	ĐSN4 - K2+152	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		2+152	1,00	1,20		1						Cổng Nhỏ Tưới
1166	ĐSN4 - K2+157	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên	Phải	2+157	1,20	1,50		1						Cổng Nhỏ Tưới
1167	Đt ĐSN4 - K2+186	Chương Mỹ	Đông Phương Yên	Kênh	tưới TB Đông Sơn từ cầu Hộp đi Trường Yên		2+186	1,20	1,20		1						Cổng Nhỏ Tưới
1168	Tiểu Phương tự Chảy	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	xả TB tiêu Phụng Châu	Trái				1,00	1	V3	TC				Cổng Nhỏ Tiêu
1169	PC - K2+280	Chương Mỹ	Phụng Châu	Kênh	tiêu Phụng Châu	Trái	2+280	0,80	1,20		1						Cổng Nhỏ Tiêu
1170	AVT1 - K0+300	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiêu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Trái	0+300	0,70	0,40		1						Cổng Nhỏ Tiêu
1171	AVT1 - K0+375	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiêu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Trái	0+375			1,00	1						Cổng Nhỏ Tiêu
1172	AVT1 - K0+715	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiêu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Phải	0+715	0,80	1,20		1	V1	TC				Cổng Nhỏ Tiêu
1173	AVT1 - K0+720	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiêu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Phải	0+720	0,80	0,60		1						Cổng Nhỏ Tiêu
1174	AVT1 - K0+790	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiêu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Phải	0+790			0,50	1						Cổng Nhỏ Tiêu
1175	AVT1 - K1	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiêu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Phải	1+000			0,50	1						Cổng Nhỏ Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Tiết diện (m) Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m) B H Ø			
1176	AVT1 - K1+100	Chương Mỹ	Quảng Bị	Kênh	tiểu N22 đi Quảng Bị (T1-An Vọng)	Trái	1+100			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
1177	VSN1 - K0	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong		0+000			1,00	1	V10	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1178	VSN1 - K0+143	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong		0+143			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1179	VSN1 - K0+343	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong	Trái	0+343	1,40	1,40		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1180	VSN1 - K0+434	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong		0+434			1,20	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1181	VSN1 - K0+469	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong	Trái	0+469			0,30	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1181	VSN1 - K0+575	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong	Trái	0+575			0,30	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1183	VSN1 - K0+750	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong	Phải	0+750			0,30	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1183	VSN1 - K0+900	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong	Trái	0+900	0,65	0,75		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1185	Đt VSN1 - K0+900	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong		0+900	1,35	1,30		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1186	Đt VSN1 - K1+070	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong		1+070			0,80	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1187	VSN1 - K1+070	Chương Mỹ	Tân Tiến	Kênh	tưới hồ Văn Sơn đi Núi Thong		1+070	0,65	0,75		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
1201	Đt TNN2 - K0+12	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê			0+012	1,00	1,30		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tươi		
1202	TNN2 - K0+103	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê	Trái		0+103	1,00	1,30		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tươi		
1203	TNN2 - K0+363	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê			0+363			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tươi		
1204	TNN2 - K0+446	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê			0+446	0,80	0,80		1	V0	TC					Cổng Nhỏ	Tươi		
1205	Đt TNN1 - K0	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê			0+000	0,95	0,60		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tươi		
1206	TNN1 - K0+390	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê			0+390			0,40	1							Cổng Nhỏ	Tươi		
1207	TNN1 - K0+392	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê	Trái		0+392			0,56	1							Cổng Nhỏ	Tươi		
1208	TNN1 - K0+392	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Từ Nê			0+392			0,60	1							Cổng Nhỏ	Tươi		
1209	Tiêu tự chảy Từ Nê	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	TB Sông Đào đi Mỹ Lương, N2 - Sông Đào	Trái			1,00	1,40		1	V2	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu		
1210	TN K0+75	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Phụ Chính	Phải		0+075	1,00	1,20		1							Cổng Nhỏ	Tiêu		
1211	TN - K0+110	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Phụ Chính			0+110	1,30	1,50		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu		
1212	TN - K0+128	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Phụ Chính			0+128			0,60	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu		
1213	TN - K0+501	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1- Phụ Chính	Phải		0+501	0,80	1,10		1							Cổng Nhỏ	Tiêu		
1214	TN - K0+856 Địa Bàu	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1- Phụ Chính	Trái		0+856			0,40	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu		
1215	TN - K1+218	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1- Phụ Chính	Trái		1+218	0,80	1,10		1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu		
1216	TN - K1+520	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiêu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1- Phụ Chính	Trái		1+520			0,60	1	V1	TC					Cổng Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m) B H Ø			
1217	TN - K1+610	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1 - Phụ Chính	Trái	1+610	0,60	0,80		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1218	TN - K2+650	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1 - Phụ Chính	Phải	2+650	0,80	1,10		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
1219	TN - K2+860	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1 - Phụ Chính	Phải	2+860	0,65	0,80		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1220	TN - K2+861	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Đồng Phú đi Phụ Chính, T1 - Phụ Chính	Trái	2+861	1,10	1,10		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1221	Đt TNT2 - K0	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Tiên Phối		0+000	1,00			1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1222	TNT2 - K0+780	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Tiên Phối	Phải	0+780	1,10	1,10		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1223	TNT1 - K0	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Đồi Chè	Trái	0+000	1,20	1,40		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
1224	TNT1 - K0+580 Đồi Chè	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Đồi Chè	Trái	0+580			0,90	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1225	TH - K0+380 Phải	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Trung Hoàng	Phải	0+380			0,80	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1226	TH - K1+820	Chương Mỹ	Thanh Bình	Kênh	tiểu Trung Hoàng		1+820	0,70	1,20		1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tiêu
1227	HDN1 - K1+735	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	1+735	3,00	0,30		1				Cổng	Vừa	Tưới
1228	HDN2 - K0+773	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tưới TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2 - Hoàng Diệu	Trái	0+773			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Vận hành			
1229	HĐN2 - K0+778	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu		0+778	0,50	0,70		1				Cổng	Nhỏ	Tuổi
1230	HĐN2 - K0+975	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu		0+975			0,40	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tuổi
1231	HĐN2 - K0+975 Cốc Trong	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu		0+975	1,00	1,30		1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tuổi
1232	Đt HĐN2- K0+975	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu	Phải	0+975	0,80	1,40		1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tuổi
1233	HĐN2 - K1+376	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu	Phải	1+376	0,70	0,70		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tuổi
1234	HĐN2 - K1+495	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu	Phải	1+495	0,40	0,40		1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tuổi
1235	HĐN2 - K1+534	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	Tuổi TB Hoàng Diệu đi Thượng Vực, N2-Hoàng Diệu	Trái	1+534			0,60	1				Cổng	Nhỏ	Tuổi
1236	HĐN1 - K0+895	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tuổi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	0+895	0,60	0,80		1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tuổi

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy dm	Vận hành	Vận hành			
1237	HĐN1 - K0+920	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	0+920	1,20	1,50		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1238	HĐN1 - K1+205	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	1+205			0,30	1	V0	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1239	HĐN1 - K1+270	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	1+270			0,60	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1240	HĐN1 - K1+410	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Phải	1+410			0,60	1	V2	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1241	HĐN1 - K1+480	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Phải	1+480			0,50	1	V3	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1242	HĐN1 - K1+605	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Phải	1+605			0,50	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
1243	HĐN1 - K1+606	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	1+606			0,20	1	V1	TC		Cổng	Nhỏ	Tưới
1244	Đt HĐN1 - K1+610	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Phải	1+610	1,00	1,20		1				Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tại công trình		Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã		Tên công trình	Bờ	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa đm	Vận hành			
								B	H	Ø				B	H	Ø					
1245	HDN1 - K1+617	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		1+617	0,30	0,40		1								Cổng Nhỏ	Tưới	
1246	HDN1 - K1+805	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Phải	1+805			0,40	1	V0	TC						Cổng Nhỏ	Tưới	
1247	HDN1 - K1+895	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		1+895	0,40	0,20		1								Cổng Nhỏ	Tưới	
1248	HDN1 - K2+020	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		2+020			0,60	1								Cổng Nhỏ	Tưới	
1249	HDN1 - K2+025	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		2+025	1,00	1,20		1								Cổng Nhỏ	Tưới	
1250	HDN1 - K2+145	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		2+145	1,00	1,40		1								Cổng Nhỏ	Tưới	
1251	HDN1 - K2+200	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		2+200	0,60	1,40		1	V1	TC						Cổng Nhỏ	Tưới	
1252	Đt HDN1 - K2+205	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		2+205	1,00	1,10		1	V1	TC						Cổng Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Bờ	Lý trình	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành				
1253	Đt HDN1 - K2+360	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục		2+360	1,00	1,40		1	V1	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
1254	HDN1 - K2+445	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	2+445			0,50	1	V0	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
1255	HDN1 - K2+530	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục		2+530			0,50	1	V0	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
1256	HDN1 - K2+535	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	2+535			0,40	1	V0	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
1257	HDN1 - K2+650	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục		2+650			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tưới
1258	HDN1 - K2+650	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	2+650			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tưới
1259	HDN1 - K2+652	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Phải	2+652	1,20	1,30		1	V2	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
1260	HDN1 - K2+658	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1 - Hạ Dục	Trái	2+658			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại I					Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
							Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành	Tiết diện (m)
		Cấp huyện	Cấp xã	Bờ	Km	B			H	Ø	B	H	Ø							
1261	HDN1 - K2+765	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	2+765			0,30	1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1262	HDN1 - K2+842	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Phải	2+842	0,40	0,50		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1263	HDN1 - K2+920	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Phải	2+920	0,60	0,80		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1264	Đt HDN1 - K2+928	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		2+928	1,00	1,20		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1265	HDN1 - K2+990	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	2+990			0,20	1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1266	HDN1 - K3+033	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		3+033	0,50	1,00		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1267	HDN1 - K3+125	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Phải	3+125	0,30	0,50		1					Cổng Nhỏ	Tươi			
1268	HDN1 - K3+185	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tươi TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	3+185			0,80	1					Cổng Nhỏ	Tươi			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tại công trình			Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
										Tên công trình	Bờ	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			
		B	H		Ø	B	H	Ø														
1269	HĐN1 - K3+300	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Phải	3+300				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1270	HĐN1 - K3+332	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		3+332				0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1271	HĐN1 - K3+338	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		3+338	0,40	0,40			1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1272	HĐN1 - K3+482	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	3+482				0,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới		
1273	HĐN1 - K3+490	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		3+490	0,60	1,20			1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1274	HĐN1 - K3+623	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục		3+623	0,40	0,50			1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1275	HĐN1 - K3+670	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	3+670	0,40	1,20			1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
1276	HĐN1 - K3+680	Chương Mỹ	Thượng Vực	Kênh	tưới TB Hạ Dục đi Thượng Vực, N1- Hạ Dục	Trái	3+680	1,00	1,20			1						Cổng	Nhỏ	Tưới		

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Fax: 024.37739443

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.thudo.gov.vn